

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2018.

V/v: “Ly hôn và quyền nuôi con
giữa chị T và anh C”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hữu Tính

Ông Từ Hồng Hải.

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Luân- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Ông K’ Mích– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2018.về việc ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60 /2018 /QĐXXST-HNGĐ ngày 01/ 8 /2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Phương T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: đường L , Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Phạm Đình C, sinh năm 1978.

HKTT: đường P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: đường Lê Hồng P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và qua trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Phương T trình bày: Chị và anh Phạm Đình C đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND phường D, thành phố Đ, tỉnh L, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: đường P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh L, cuộc sống

vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến chị sinh con thứ nhất thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C cờ bạc dẫn đến nợ nần không có khả năng trả nợ, đến khi sinh con thứ hai thì cuộc sống gia đình ngột ngạt chị phải bán nhà trả nợ, và từ 7/2012 anh C không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị phải nuôi dưỡng và chăm sóc con cái. Nay chị không thể chấp nhận được cuộc sống không có hạnh phúc, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Phạm Đình C.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Đình Thái D, sinh ngày 27/3/2008 và Phạm Đình Gia L, sinh ngày 25/12/2010. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con. Chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con 4.000.000đ/tháng (mỗi con 2.000.000đ/tháng).

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng anh Phạm đình C trình bày: Anh và chị T đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND phường D, thành phố Đ, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: đường P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh L. Trong cuộc sống chung vợ chồng có nhưng vấn đề không thông cảm và thấu hiểu cho nhau, năm 2011 do làm ăn thất bại chán nản nên anh có cờ bạc, phải bán nhà trả nợ, năm 2013 anh đi tìm công việc để ổn định gia đình, trong thời gian này anh không hiểu được những điều vợ cần, năm 2016 trở về Đ thì ổn định công việc, cuộc sống hạnh phúc cuối năm 2016 anh lại về tỉnh H làm việc cuộc sống vẫn hạnh phúc, cuối năm 2017 anh chuyển đi làm việc tại khu vực Đ, P, N đã không quan tâm đến vợ con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh sẽ khắc phục các thiếu sót để vợ chồng đoàn tụ và các con không phải khổ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Đình Thái D, sinh ngày 27/3/2008 và Phạm Đình Gia L, sinh ngày 25/12/2010. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh C được tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Phạm Đình C. Về con chung: Giao con chung Phạm Đình Thái D, sinh ngày 27/3/2008 và Phạm Đình Gia L, sinh ngày 25/12/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Buộc anh Phạm Đình C cấp dưỡng nuôi con mỗi con, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Chị Bùi Thị Phương T, có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Đình C có địa chỉ: đường P, Phường B, thành phố Đà, tỉnh Lâm Đ, anh Phạm Đình C không đồng ý ly hôn và hai bên có tranh chấp quyền nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn và quyền nuôi con chung”, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng.

[2] Anh Phạm Đình C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên tòa án xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Phạm Đình C kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Đình C và chị Bùi Thị Phương T tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không hạnh phúc, qua các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và ý kiến tranh tụng tại phiên tòa thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự đồng cảm, trách nhiệm, thương yêu gắn bó với nhau. Anh Phạm Đình C yêu cầu đoàn tụ, nhưng thực tế không đưa ra được giải pháp nào để níu kéo tình cảm với chị Bùi Thị Phương T, mà từ khi tòa án hòa giải đã bỏ mặc đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ con. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Phương T là có căn cứ, nên áp dụng Điều 51, 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Phương T, cho ly hôn giữa Bùi Thị Phương T và anh Phạm Đình C.

[4] Về con chung: Giữa anh Phạm Đình C và chị Bùi Thị Phương T có 02 con chung tên Phạm Đình Thái D, sinh ngày 27/3/2008 và Phạm Đình Gia L, sinh ngày 25/12/2010. Ly hôn hai bên đều yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con. Xét thấy các con có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Thúy, giao hai con chung cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Phương T yêu cầu anh Phạm Đình C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi tháng 2.000.000đ/tháng. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, mức cấp dưỡng chị Bùi Thị Phương T yêu cầu anh Phạm Đình C cấp dưỡng nuôi các con phù hợp với chi phí thực tế hiện nay để cùng nuôi con, nên yêu cầu của chị T là có căn cứ chấp nhận, buộc anh Phạm Đình C cấp dưỡng nuôi con mỗi con, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con thành niên.

[6] Về tài sản chung: Hai bên không có nên không đề cập.

[7] Về nợ chung : Hai bên xác định không có nên không đề cập

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị Phương T, phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật. Anh Phạm Đình C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Phạm Đình C

2 - Về quyền nuôi con: Giao con chung tên Phạm Đình Thái D, sinh ngày 27/3/2008 và tên Phạm Đình Gia L, sinh ngày 25/12/2010 cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Buộc anh Phạm Đình C cấp dưỡng nuôi hai con tên Phạm Đình Thái D, sinh ngày 27/3/2008 và tên Phạm Đình Gia L, sinh ngày 25/12/2010 mỗi con, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3- Về án phí: Chị Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0007932 ngày 10/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt) đã nộp đủ. Anh Phạm Đình C phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Phương T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Đình C vắng mặt tại

phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận

- TAND tỉnh L (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND phường B.Tp.Đ
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga